

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn
thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giá năm 2012; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính, Xây dựng và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 346/TTr-STC ngày 25/12/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch sinh hoạt đô thị của đơn vị cấp nước.
- Đơn vị cấp nước sạch sinh hoạt đô thị.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định giá

1. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số: 4.647 đồng/m³.

2. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị các hộ gia đình khác:

- Mức từ 1-10 m³ đầu tiên (hộ/tháng): 6.196 đồng/m³
- Mức từ trên 10-20 m³ tiếp theo (hộ/tháng): 7.745 đồng/m³
- Mức từ trên 20-30 m³ tiếp theo (hộ/tháng): 9.294 đồng/m³
- Mức trên 30 m³ (hộ/tháng): 10.068 đồng/m³

3. Giá nước nêu trên chưa có thuế giá trị gia tăng và các loại phí theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện đúng giá nước tại Quyết định này và quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku có trách nhiệm phối hợp kiểm tra việc thực hiện giá nước tại Quyết định này và quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019

2. Bỏ cụm từ “thành phố Pleiku và” tại tên gọi, “thành phố Pleiku và” tại Điều 1, “Chủ tịch UBND thành phố Pleiku” tại Điều 3 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Biểu giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Pleiku và thị xã Ayun Pa do Công ty TNHH MTV cấp nước Gia Lai cung cấp.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch UBND thành phố Pleiku; thủ trưởng đơn vị cấp nước và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Trần*

Noinhận:

- Như Điều 5;
- Cục KTVBQPPL-Bộ tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng